

PHỤ LỤC 2
THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 5 NĂM 2026
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Công văn số /SXD-KT&VLXD ngày /5/2026 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)

1. Phường Buôn Ma Thuột

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	Khu vực phường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn			Nghi Sơn					2,350,000	
		Ximăng PCB40	tấn			Hoàng Thạch					2,350,000	
		Ximăng PCB40	tấn			Thanh Sơn					2,000,000	
		Ximăng PCB40	tấn			Bim Sơn					2,150,000	
2	CÁT											
		Cát xây	m ³								550,000	
		Cát tô	m ³									
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
		Đá 1x2	m ³								440,000	
		Đá 2x4	m ³								430,000	
		Đá 4x6	m ³								420,000	
		Đá hộc	m ³								360,000	
		Đá 0,5 x 1	m ³								350,000	
		Đá mặt	m ³								350,000	
		Cấp phối đá dăm Dmax37.5	m ³								350,000	
		Cấp phối đá dăm Dmax25	m ³								370,000	
		Cấp phối đá dăm Dmax25 loại 1 (làm nhựa)	m ³								370,000	
4	GẠCH CÁC LOẠI											
		Gạch Tuynel										
		Gạch tuynel 4 lỗ	viên								2,100	
		Gạch tuynel 6 lỗ nhỏ	viên								2,600	
		Gạch tuynel 6 lỗ	viên								2,600	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI											
		Thép cuộn										
		Ø6	kg								18,500	
		Ø8	kg								18,500	
		Ø10	cây								130,000	
		Ø12	cây								180,000	
		Ø14	cây								250,000	
		Ø16	cây								300,000	
		Ø18	cây								420,000	
		Ø20	cây								520,000	

2. Phường Tân An

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực phường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

	Vật liệu xây											
		Gạch tuynel										
		Gạch thẻ (50x80x180)	viên									
		Gạch ống 4 lỗ (80x80x180)	Viên								1,550	
	Vật liệu lợp											
		Tôn sóng vuông 0,35mm	m2								92,000	
		Tôn sóng vuông 0,4mm	m2								102,000	
		Trần tôn lạnh	m2									
	Thép các loại											
		Thép cuộn ø6-8mm	kg								15,400	

5. Phường Ea Kao

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực	khu vực phường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		Cát xây	m ³				Quỳnh Ngọc					540,000
		Cát tô	m ³				Quỳnh Ngọc					620,000
		Gạch 4 lỗ	Viên				Tuynel/ Krông Ana					1800 – 2000
		Gạch ống 6 lỗ	Viên				Tuynel/ Krông Ana					2300 – 2500
		Xi măng Vicem H Mai	Tấn		PCB40							1650000 – 1900000
		Xi măng Nghi Sơn PC40	Tấn		PCB40							1800000 – 1900000
		Đá 1x2	m ³									400000 – 550000
		Đá 4x6	m ³									650,000
		Đá hộc	Cây									250000 – 350000
		Sắt Pi 6 (Y)	Kg									13.500 – 18.500
		Sắt Pi 8 (Y)	Kg									13.500 – 18.500
		Sắt Pi 10 (Y)	Cây									120.000 – 130.000
		Sắt Pi 12 (Y)	Cây									160.000 – 175.000
		Sắt Pi 14 (Y)	Cây									220.000 – 250.000
		Sắt Pi 16 (Y)	Cây									300.000 – 330.000
		Sắt Pi 18 (Y)	Cây									380.000 – 420.000
		Sắt Pi 20 (Y)	Cây									470.000 – 520.000

6. Xã Hòa Phú

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

	Đá 1x2	m ³									320,000	
	Đá 2x4	m ³									310,000	
	Đá 4x6cm	m ³									280,000	
	Đá 0,5	m ³									260,000	
	Đá Dmax 25mm	m ³									270,000	
	Đá Dmax 37,5mm	m ³									240,000	
	Đá hộc	m ³									260,000	
	Bột đá	m ³									270,000	
	Đá 1x2	m ³										
	Đá 2x4	m ³										
	Đá 4x6cm	m ³										
	Đá hộc	m ³										
	Đá mi	m ³										
	Đá 0x5	m ³										
	Đá CP 25mm	m ³										
	Đá CP 37,5mm	m ³										
	Đất san lấp	m ³										

Mỏ đá Phú Xuân
tại Khu 2C, Mỏ
D2, Xã Hòa Phú

Công ty cổ phần
Kim Thịnh

7. Phường Buôn Hồ

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực phường	khu vực sản xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		XI MĂNG										
		Xi măng PCB40	tấn			Nghi Sơn				Công ty TNHH	2,000,000	
		Xi măng PCB40	tấn			Hà Tiên				TMPT Tân Sơn	1,980,000	
		Xi măng PCB40	tấn			Xuân Thành					1,900,000	
		Xi măng PCB40	tấn			Long Sơn					1,800,000	
		Xi măng PCB40	tấn			Nghi Sơn				Công ty TNHH Lan Cam	2,296,296	
		Xi măng PCB40	tấn			Hà Tiên					2,222,222	
		Xi măng PCB40	tấn			Đức Sơn					1,944,444	
		CÁT										
		Cát xây	m3							Công ty TNHH	550,000	
		Cát tô	m3								600,000	
		Cát xây	m3							Công ty	481,818	
		Cát tô	m3							TNHH Lan Cam	663,636	
		ĐÁ XÂY DỰNG										
		Đá hộc	m3							Công ty TNHH	550,000	
		Đá 4x6	m3							TMPT Tân Sơn	600,000	
		Đá 1x2	m3								600,000	
		Đá hộc	m3							Công ty	563,636	
		Đá 4x6	m3							TNHH Lan Cam	590,909	
		Đá 1x2	m3								663,636	
		GẠCH ỐP (CERAMIC)										
		Gạch ốp 300x300mm	m2								105,000	
		Gạch ốp 300x600mm	m2								112,000	
		Gạch ốp 600x600mm	m2								130,000	
		THÉP CÁC LOẠI										
		Thép cuộn:										
		Đường kính Ø6	kg							Công ty TNHH Lan Cam	16,364	
		Đường kính Ø8	kg								16,364	
		Thép thanh vằn:										
		Đường kính Ø10	kg								14,102	
		Đường kính Ø16	kg								15,242	
4	GẠCH CÁC LOẠI											
		Gạch Tuynel										
		Gạch thẻ 50x80x180mm	viên									
		Gạch ống 4 lỗ 80x60x180mm	viên									
		Gạch ống 6 lỗ 80x120x180mm	viên									
		Gạch không nung										
		Gạch ống 4 lỗ 80x80x180mm	viên			Cty TNHH XD Hoàng Vũ. Báo giá tháng 3/2026			Vận chuyển đến trung tâm Buôn Hồ		2,400	
		Gạch thẻ đặc 5x8x18	viên								2,200	
5	ỐNG BTCT ĐÚC SẴN											
		Ống BT D1000 H30, L4m	m			Cty CP Cấp thoát nước WADACO ĐẮK LẮK. Bảng báo giá ngày 06/4/2026	Nhà máy bê tông: Lô B05, KCN Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk			Đã bao gồm chi phí vận chuyển	1,765,000	
		Ống BT D800 H30, L4m	m								1,190,000	
		Ống BT D600 H30, L4m	m								775,000	

10. Xã Ea Súp

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)			
											Tại nơi sản xuất	khu vực xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)		
	Xi măng													
		Xi măng PCB40	Tấn			Hoàng Thạch				Đại lý		2,600,000		
		Xi măng PCB40	Tấn			Đạt Sơn, Kaito						2,500,000		
	Cát, sỏi xây dựng													
		Cát xây	m3			Khu vực mỏ cát				Đại lý		700,000		
		Cát tô	m3									800,000		
	Đá xây dựng													
		Đá dăm 1x2	m3			Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cư M'Lan - Mỏ đá xây dựng Thôn 3				Giá tại mỏ đá bao gồm chi phí xúc lên phương tiện vận chuyển		440,000		
		Đá dăm 2x4	m3											400,000
		Đá dăm 4x6	m3											390,000
		Cấp phối đá dăm Dmax 25	m3											390,000
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5	m3											370,000
		Đá hộc	m3											370,000
		Đá 0,5x1	m3											360,000
		Đá mi bụi	m3											290,000
	Vật liệu xây													
		Gạch tuynel												
		Gạch thẻ (50x80x180)	viên							Đại lý VLXD Minh Toàn		1,300		
		Gạch ống 4 lỗ (80x80x180)	Viên										1,300	
		Gạch ống 6 lỗ (80x120x180)	Viên										1,700	
	Vật liệu lợp													
		Tôn kẽm sóng vuông	m2			Tôn kẽm Việt				Nhà máy tôn - sắt thép Hoàng Sa, xã Ea Súp		88,182		
		Tôn kẽm sóng vuông 0,38mm	m2										100,000	
		Tôn kẽm sóng vuông 0,43mm	m2										110,909	
		Tôn kẽm sóng vuông 0,48mm	m2										120,909	
		Tôn lạnh trắng 0,25mm	m2			Tôn lạnh trắng Việt Nhật SSSC							59,091	
	Thép các loại													
		Sắt Ø6, Ø8 CB300/CB400	kg			Sắt xây dựng Việt Mỹ				Nhà máy tôn - sắt thép Hoàng Sa, xã Ea Súp		15,727		
		Sắt Ø10 CB300	cây											100,909
		Sắt Ø12 CB300	cây											158,182
		Sắt Ø14 CB300	cây											217,273
		Sắt Ø16 CB300	cây											275,455
		Sắt Ø18 CB300	cây											358,182
		Sắt Ø20 CB300	cây											443,636
		Sắt Ø10 CB400	cây											114,545
		Sắt Ø12 CB400	cây											162,727
		Sắt Ø14 CB400	cây											223,636
		Sắt Ø16 CB400	cây											292,727
		Sắt Ø18 CB400	cây											370,000
		Sắt Ø20 CB400	cây											457,273
		Sắt Ø22 CB400	cây									550,909		

11. Xã Ea Rôk

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực trung tâm xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Xi măng											
		Xi măng PCB40	Tấn			SCG				CHVLXD		2,600,000
		Xi măng PCB40	Tấn			Hoàng Thạch						2,600,000
		Xi măng PCB40	Tấn			Bim Sơn						2,600,000
		Xi măng PCB40	Tấn			Hà Tiên				CHVLXD Vọng Thiết II		2,200,000
	Cát, sỏi xây dựng											
		Cát xây	m3			Ea Rôk				CHVLXD		550,000
		Cát tô	m3			Gia Lai						800,000
		Cát xây	m3			Ea Rôk				CHVLXD		550,000
		Cát tô	m3			Gia Lai						650,000
	Đá xây dựng											
		Đá dăm 1x2	m3							CHVLXD		600,000
		Đá dăm 2x4	m3									500,000
		Đá dăm 4x6	m3									500,000
		Cấp phối đá dăm Dmax 25										500,000
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5										500,000
		Đá hộc										450,000
		Đá 0,5x1										
		Đá mi bụi										400,000
	Vật liệu xây											
		Gạch tuynel										
		Gạch ống 4 lỗ (80x80x180)	Viên			Huyền Anh				CHVLXD		1,800
		Gạch ống 6 lỗ (80x120x180)	Viên									2,400
		Gạch ống 4 lỗ (80x80x180)	Viên									
		Gạch ống 6 lỗ (80x120x180)	Viên									
		Gạch không nung xi măng cốt liệu										
		Gạch 4 lỗ (80x80x180)	Viên									
		Gạch 2 lỗ (40x80x180)	Viên									
		Gạch block bê tông rỗng										
		Gạch 9x19x39	Viên									
		Gạch 19x19x39	Viên									
	Vật liệu lợp											
		Tôn sóng vuông 0,3mm	m2									
		Tôn sóng vuông 0,35mm	m2			Tây Nam				Cửa hàng sắt		95,000
		Tôn sóng vuông 0,4mm	m2									110,000
		Trần tôn lạnh	m2									
	Sản phẩm thép các loại											
		Thép cuộn ø6-8mm	kg			Hòa Phát				CHVLXD		17,500
		Thép gân ø10mm	cây									110,000
		Thép gân ø12mm	cây									180,000
		Thép gân ø14mm	cây									250,000
		Thép gân ø16mm	cây									338,000

12. Xã Ea Bung

15. Xã Ea Wer

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³									
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
			m ³			Công ty TNHH						
			m ³			khoáng sản Tài Phát						

16. Xã Ea Nuôi

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực xã	khu vực sản xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		Tôn, Sắt thép các loại										
		Tôn Mạ màu sunco										
		Tôn mạ màu 2 dem 5	mét								85,000	
		Tôn mạ màu 3 dem	mét								90,000	
		Tôn mạ màu 3 dem 5	mét								115,000	
		Tôn mạ màu 4 dem	mét								135,000	
		Tôn mạ màu 4 dem 5	mét								150,000	
		Tôn mạ màu 5 dem	mét								160,000	
		Tôn lạnh sunco										
		Tôn Lạnh 2 dem 3	mét								80,000	
		Tôn Lạnh 2 dem 5	mét								85,000	
		Tôn Lạnh 3 dem 4	mét								105,000	
		Tôn Lạnh 4 dem	mét								130,000	
		Tôn Lạnh 4 dem 5	mét								142,000	
		Tôn Lạnh 5 dem	mét								150,000	
		Sắt thép các loại										
		V6	Cây								445,000	
		Sắt hộp kẽm 14 *14* 1ly	Cây								55,000	
		Sắt hộp kẽm 13 *26* 1ly	Cây								75,000	
		Sắt hộp kẽm 20 * 20* 1ly	Cây								78,000	
		Sắt hộp kẽm 20 * 40* 1ly 2	Cây								132,000	
		Sắt hộp kẽm 25 * 25* 1ly 2	Cây								107,000	
		Sắt hộp kẽm 25 * 50* 1ly 2	Cây								165,000	
		Sắt hộp kẽm 30 * 30* 1ly 2	Cây								132,000	
		Sắt hộp kẽm 30 * 60* 1ly 2	Cây								195,000	
		Sắt hộp kẽm 30 * 60* 1ly 4	Cây								222,000	
		Sắt hộp kẽm 40 * 40* 1ly 2	Cây								178,000	

		Đá 4x6	m ³									600,000
		Đá hộc	m ³									500,000
		Đá 0,5 x 1	m ³									400,000
		Đá mặt	m ³									370,000
		Cấp phối đá dăm Dmax 37.5	m ³									500,000
4	GẠCH CÁC LOẠI											
		Gạch tuynen 2 lỗ	viên	180x80x45mm								
		Gạch tuynen 4 lỗ	viên	180x80x80mm								950
		Gạch tuynen 6 lỗ nhỏ	viên	170x120x80mm								
		Gạch tuynen 6 lỗ	viên	180x120x80mm								
		Gạch không nung XMCL 4 lỗ	viên	180x80x80mm								1,700
		Gạch thẻ không nung XMCL	viên	180x80x40mm								
		Gạch Block	viên	190x190x390mm								
5	NHÓM SÀN PHẠM THÉP CÁC LOẠI											
		Ø6	kg									15,600
		Ø8	kg									15,600
		Ø10	cây									100,000
		Ø12	cây									156,000
		Ø14	cây									214,000
		Ø16	cây									275,000
		Ø18	cây									378,000
		Ø20	cây									442,000
		Ø22	cây									
		Ø25	cây									
6	TẦM LỘP, TẦM TRẦN											
		Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m									93,000
		Tôn sóng vuông (4,0 ziem)	m									103,000
		Tôn sóng vuông (4,5 ziem)	m									115,000
		Tôn sóng vuông (5,0 ziem)	m									127,000

21. Xã Cuôr Đăng

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³									
		Cát tô	m ³									
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
		Đá 1x2	m ³									
		Đá 4x6	m ³									
		Đá hộc	m ³									
		Gạch										
4	GẠCH											
		gạch 4 lỗ	viên									
		gạch 6 lỗ	viên									

Đại lý
VLXD cung
cấp đơn giá

		Ø14	cây			Thiện					249,000
		Ø16	cây								327,000
		Ø18	cây								412,000
		Ø20	cây								509,000
		Thép cuộn									
		Ø6	kg								18,400
		Ø8	kg								18,400
		Thép thanh vằn									
		Ø10	cây			POMINA CB300			Trên địa bàn xã		117,000
		Ø12	cây								182,000
		Ø14	cây								250,000
		Ø16	cây								327,000
		Ø18	cây								413,000
		Ø20	cây								510,000
		Thép cuộn									
		Ø6	kg								18,400
		Ø8	kg								18,400
		Thép thanh vằn									
		Ø10	cây			POMINA CB400			Trên địa bàn xã		129,000
		Ø12	cây								183,000
		Ø14	cây								250,000
		Ø16	cây								327,000
		Ø18	cây								413,000
		Ø20	cây								510,000
		Thép cuộn									
		Ø6	kg								17,500
		Ø8	kg								17,500
		Thép thanh vằn									
		Ø10	cây			Hòa Phát CB300			Trên địa bàn xã		116,000
		Ø12	cây								182,000
		Ø14	cây								243,000
		Ø16	cây								315,000
		Thép hộp									
		30x60x1,2	cây								217,784
		30x60x1,4	cây								252,717
		40x80x1,2	cây								292,736
		40x80x1,4	cây								340,052
		50x100x1,2	cây								367,689
		50x100x1,4	cây								427,386
		TÂM LỘP, TÂM TRẦN									
	+	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông									
		Tôn sóng vuông (3,2)	m2								75,000
		Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m2			Tôn Hoa Sen			Trên địa bàn xã		90,000
		Tôn sóng vuông (4,2 ziem)	m2								100,000
		Tôn sóng vuông (4,52 ziem)	m2								115,000
	+	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông									
		Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m2								95,000
		Tôn sóng vuông (4,0 ziem)	m2			Tôn Hoa Sen			Trên địa bàn xã		105,000

24. Xã Pong Drang

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	khv vực xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
	XI MĂNG												
	Ximăng PCB40		tấn	PC40		Nghi Sơn						2,296,296	
	Ximăng PCB40		tấn	PC40		Hà Tiên						2,222,222	
	CÁT CÁC LOẠI												
	Cát xây		m ³									581,818	
	Cát tô		m ³									663,364	
	ĐÁ CÁC LOẠI												
	Đá 1x2		m ³									663,636	
	Đá 4x6		m ³									590,909	
	Đá hộc		m ³									563,636	
	GẠCH CÁC LOẠI												
	Gạch tuynen 2 lỗ		viên		180x80x45mm								
	Gạch tuynen 4 lỗ		viên		180x80x80mm							1,900	
	Gạch tuynen 6 lỗ nhỏ		viên		170x120x80mm								
	Gạch không nung XMCL 6 lỗ		viên		180x120x80mm							2,650	
	THÉP CÁC LOẠI												
	Ø6-Ø8 thanh trơn		kg									16,364	
	Ø10 CB300 thanh vằn		Cây									101,818	
	Ø16 CB300 thanh vằn		Cây									281,818	
	TẤM LỢP, TẤM TRẦN												
	Tôn kẽm mạ màu												
	cán sóng vuông												
	Tôn sóng vuông (3,5 ziem)		m ²			Hoa Sen						95,000	
	Tôn sóng vuông mạ (4,0 ziem)		m ²										110,000
	Tôn sóng vuông (4,5 ziem)		m ²										120,000
	Tôn sóng vuông (5,0 ziem)		m ²										132,000
	Tôn lạnh la phòng												
	Tôn lạnh kích thước khổ 1,1- dày 0,30mm		m ²									128,000	
	Tôn lạnh kích thước khổ 1,1- dày 0,35mm		m ²									135,000	
	Tôn lạnh kích thước khổ 1,1- dày 0,40mm		m ²									149,000	

25. Xã Krông Búk

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại cơ sở	khv vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Cát các loại											
	Cát xây		m3								550,000	650,000
	Cát tô		m3								650,000	750,000
	Gạch ống (80x80x180)		Viên								1,800	1,900
	Gạch 6 lỗ (80x120x180)		Viên								2,600	2,800
	Gạch không nung xi măng cốt liệu											
	Gạch 4 lỗ (80x80x180)		Viên								2,200	2,400
	Xi măng PCB 40											

28. Xã Ea Drăng

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại chân công trình	Tại nơi sản xuất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
	Xi măng												
		Xi măng Hà Tiên PCB40	bao			Công ty TNHH VLXD Minh Nguyệt (thôn 12, xã Ea Drăng)					111,000		
		Xi măng Hoàng Thạch PCB40	bao									113,000	
		Xi măng Hoàng Đạt Sơn PCB40	bao									100,000	
	Cát												
		Cát xây	m3			Sông Hinh/AyunPa, Gia Lai					600,000		
		Cát tô	m3									650,000	
	Đá xây dựng												
		Đá hộc	m3			Cty TNHH MTV Văn Chương (Mô đá nằm tại xã Ea Wy)						430,000	
		Đá dăm 4x6 (SX máy)	m3									450,000	
		Đá dăm 2x4	m3									480,000	
		Đá dăm 1x2	m3									530,000	
		Đá 0,5x1	m3									530,000	
		Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m3									410,000	
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m3								410,000		
	Gạch xây các loại												
		4 lỗ (80x80x180)mm	Viên			Công ty TNHH XD TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, xã Ea Drăng						2,500	
		6 lỗ (80x120x180)mm	Viên									2,800	
		Gạch thẻ (40x80x180)mm	Viên									2,000	
		Gạch rỗng 3 lỗ (90x190x390)	Viên									7,000	
		Gạch xây móng (140x200x400)	Viên									16,000	
		Gạch rỗng 3 lỗ (190x190x390)										9,500	
		Gạch Terrazzo											
		Gạch Terazzo 400x400x30 màu	m2										135,000
		Gạch Terazzo 400x400x30 màu	m2									125,000	
	Tấm trần, tấm lợp												
	Tôn Hoa Sen Gold												
		Tôn sóng vuông 0,5mm	m								139,590		
		Tôn sóng vuông 0,5mm cách nhiệt (độ dày xốp 16mm)	m								209,880		
		Tôn sóng vuông 0,5mm cách nhiệt (độ dày xốp 18mm)	m								213,840		
	Tôn mạ Hoa Sen												
		Tôn lạnh 0,2mm	m								64,845		
		Tôn lạnh 0,25mm	m								69,795		
		Tôn lạnh 0,3mm	m								81,675		
		Tôn lạnh 0,35mm	m								91,080		
		Tôn lạnh 0,4mm	m								101,970		
		Tôn lạnh 0,45mm	m								112,365		
		Tôn lạnh 0,5mm	m								122,760		
		Tôn lạnh màu thường 0,25mm	m								74,745		
		Tôn lạnh màu thường 0,3mm	m								86,130		
		Tôn lạnh màu thường 0,35mm	m								97,020		

	Tôn lạnh màu thường 0,4mm	m		
	Tôn lạnh màu thường 0,45mm	m		
	Tôn lạnh màu thường 0,5mm	m		
	Tôn lạnh màu đặc biệt 0,25mm	m		
	Tôn lạnh màu đặc biệt 0,3mm	m		
	Tôn lạnh màu đặc biệt 0,35mm	m		
	Tôn lạnh màu đặc biệt 0,4mm	m		
	Tôn lạnh màu đặc biệt 0,45mm	m		
	Tôn lạnh màu đặc biệt 0,5mm	m		
	Ống thép mạ kẽm			
	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield			
	30x60x1,2mm	Cây		
	30x60x1,4mm	Cây		
	40x80x1,2mm	Cây		
	40x80x1,4mm	Cây		
	25x25x1,2mm	Cây		
	30x30x1,2mm	Cây		
	50x100x1,4mm	Cây		
	Φ90x1,4mm	Cây		
	Thép hộp Hoa Sen mã kẽm			
	13x26x1mm	Cây		
	13x26x1,1mm	Cây		
	20x20x0,8mm	Cây		
	20x20x1,2mm	Cây		
	20x40x1mm	Cây		
	20x40x1,2mm	Cây		
	20x40x1,4mm	Cây		
	25x25x1,2mm	Cây		
	25x50x1,2mm	Cây		
	25x50x1,4mm	Cây		
	30x30x1mm	Cây		
	30x30x1,2mm	Cây		
	30x30x1,4mm	Cây		
	Φ60x1,1mm	Cây		
	Φ60x1,4mm	Cây		
	Φ76x1,1mm	Cây		
	Φ76x1,4mm	Cây		
	Φ90x1,4mm	Cây		
	30x60x1mm	Cây		
	30x60x1,1mm	Cây		
	30x60x1,2mm	Cây		
	30x60x1,4mm	Cây		
	30x90x1,2mm	Cây		
	30x90x1,4mm	Cây		
	40x40x1,1mm	Cây		
	40x40x1,2mm	Cây		
	40x40x1,4mm	Cây		
	40x80x1mm	Cây		
	40x80x1,1mm	Cây		
	40x80x1,2mm	Cây		

Công ty TNHH TM Sỹ
Đặng (637 Giải Phóng,
xã Ea Drăng, tỉnh Đắk
Lắk)

				107,910	
				119,295	
				131,670	
				73,755	
				85,140	
				96,030	
				106,920	
				118,305	
				130,680	
				215,021	
				249,512	
				289,022	
				335,738	
				118,462	
				141,018	
				421,964	
				392,712	
				74,117	
				80,991	
				62,196	
				90,229	
				114,503	
				136,222	
				157,520	
				114,504	
				171,860	
				199,273	
				114,503	
				136,222	
				157,520	
				201,803	
				255,575	
				255,575	
				323,897	
				379,355	
				173,968	
				190,838	
				207,707	
				241,025	
				279,192	
				324,318	
				169,118	
				183,879	
				213,189	
				233,644	
				256,418	
				279,192	

		40x80x1,4mm	Cây									324,318
		40x80x1,8mm	Cây									413,516
		50x50x1,4mm	Cây									268,648
		50x100x1,2mm	Cây									350,677
		50x100x1,4mm	Cây									407,612
		50x100x1,8mm	Cây									520,638
		60x120x1,8mm	Cây									628,182
		60x120x2mm	Cây									696,082
	Bê tông											
		Bê tông Mác 200 R28	m3			Công ty TNHH XD						1,690,000
		Bê tông Mác 250 R28	m3			TM&DV Tân Thành						1,750,000
		Bê tông Mác 300 R28	m3			Đạt/KCN Ea Ral, xã						1,840,000
		Bê tông Mác 350 R28	m3			Ea Drăng						1,940,000
		Bê tông Mác 150 R28	m3			Công ty TNHH Mai						1,650,000
		Bê tông Mác 200 R28	m3			Quang Tây						1,680,000
		Bê tông Mác 250 R28	m3			Nguyễn/KCN Ea Ral,						1,760,000
		Bê tông Mác 300 R28	m3			xã Ea Drăng						1,840,000
	Sắt xây dựng											
	Sắt Xây dựng Hòa Phát											
		Sắt phi 6	kg									15,727
		Sắt phi 8	kg									15,727
		Sắt phi 10 Gr40	cây									100,909
		Sắt phi 12 CB300	cây									159,091
		Sắt phi 14 CB300	cây									218,182
		Sắt phi 16 Gr40	cây									277,273
		Sắt phi 18 CB300	cây									361,818
		Sắt phi 20 CB300	cây									447,273
		Sắt phi 10 CB400	cây									114,545
		Sắt phi 12 CB400	cây									162,727
		Sắt phi 14 CB400	cây									223,636
		Sắt phi 16 CB400	cây									293,636
		Sắt phi 18 CB400	cây									370,000
		Sắt phi 20 CB400	cây									457,273
	Sắt Xây dựng Nhật Vina Kyoei											550,909
		Sắt phi 6	kg			Công ty TNHH Hoàng						16,273
		Sắt phi 8	kg			Sa						16,273
		Sắt phi 10 SD295	cây			(122 Trần Hưng Đạo,						103,636
		Sắt phi 12 CB300	cây			Krông Pắc, Đắk Lắk)						164,545
		Sắt phi 14 CB300	cây									223,636
		Sắt phi 16 SD295	cây									289,091
		Sắt phi 18 CB300	cây									369,091
		Sắt phi 20 CB300	cây									455,455
		Sắt phi 10 CB400	cây									114,545
		Sắt phi 12 CB400	cây									162,727
		Sắt phi 14 CB400	cây									220,909
		Sắt phi 16 CB400	cây									289,091
		Sắt phi 18 CB400	cây									366,364
		Sắt phi 20 CB400	cây									451,818
		Sắt phi 22 CB400	cây									547,273
		Sắt phi 25 CB400	cây									711,818
		Sắt phi 28 CB400	cây									893,636
		Sắt phi 32 CB400	cây									1,168,182

29. Xã Ea Wy

STT	Nhóm vật liệu	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)
-----	---------------	------------------------	--------	---------------------	----------	--------------	---------	-----------	------------	---------	--------------------------------

STT	xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tại nơi sản xuất	Khu vực xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	XI MĂNG												
		Ximăng PCB40	tấn			Hoàng Thạch				VLXD sắt thép Võ Dũng		2,360,000	
		Ximăng PCB40	tấn			Hà Tiên				VLXD Biên Văn		2,300,000	
2	CÁT												
		Cát xây	m ³							VLXD sắt thép Võ Dũng		600,000	
		Cát tô	m ³									650,000	
3	ĐÁ XÂY DỰNG												
		Đá hộc	m ³			Mỏ đồ Văn Chương					400,000		
		Đá 4x6 (SX máy)	m ³									420,000	
		Đá 2x4	m ³									450,000	
		Đá 1x2	m ³									500,000	
		Đá 0,5x1	m ³									500,000	
		Cá[phối đá dăm Dmax 25	m ³									380,000	
		Cá[phối đá dăm Dmax 37,5	m ³								380,000		
4	GẠCH TUY NEN												
		Gạch ống 6 lỗ (80x120x180)	VIÊN									2,800	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI												
		Thép cuộn ø6-8mm	kg							VLXD sắt thép Võ Dũng		18,300	
		Thép gai ø10mm	kg									18,500	
		Thép gai ø12mm	cây									18,500	
		Thép gai ø14mm	cây									18,500	
		Tôn sóng vuông 0,3mm	m ²							Công ty TNHH TMDV Năm Ngọc cơ sở 6		80,000	
		Tôn sóng vuông 0,35mm	m ²									97,000	
		Tôn sóng vuông 0,4mm	m ²									110,000	
		Tôn sóng vuông 0,45mm	m ²									135,000	
		Tôn sóng vuông 0,5mm	m ²									140,000	

30. Xã Ea H'leo

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Khu vực xã	Khu vực sản xuất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
		đá 1x2	m ³							Tại cửa hàng VLXD Thẻ Nga; thôn 5 xã Ea H'leo	650,000		
		Si măng sông Gianh	bao								113,000		
		Si măng sông Gianh đa dụng	bao								106,000		
		Si măng Hoàng Sơn									98,000		
		Gạch xây 6 lỗ phủ bốn	viên								1,950		
		Sắt phi 10 đồng nam á	cây								110,000		
		Sắt phi 12 đồng nam á	cây								166,000		
		Sắt phi 14 đồng nam á	cây								230,000		
		Sắt phi 16 đồng nam á	cây								295,000		
		Lưới B40	kg								20,500		
		xi măng Hoàng Thạch	Bao								cửa hàng VLXD	212,000	
		Gạch xây 6 lỗ phủ bốn	Viên									2,100	
		Sắt phi 10 đồng nam á	Cây								Thanh Dũng;	115,000	
		Sắt phi 12 đồng nam á	//							thôn 4 xã Ea	165,000		

		Lưới B40								H'leo	19,500	
		Đá 1*2	m ³								600,000	
		Si măng Hà tiên BC 40								<i>cửa hàng VLXD Toàn Hương; thôn 2B xã Ea H'leo</i>	115,000	
		Sắt phi 10 Hoà Phát	Cây								120,000	
		Sắt phi 12 Hoà Phát	//								160,000	
		Sắt phi 14 Hoà Phát	//								240,000	
		Sắt phi 16 Hoà Phát	//								280,000	
		Gạch 6 lỗ Phú bồn	Viên								2,500	
		Tôn lạnh hoa sen	m								110,000	

31. Xã Ea Hiao

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	khv vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	XI MĂNG											
1		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Tân Trường				VLXD Hùng		1,800,000
2		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Hoàng Thạch				Mai, buôn		2,100,000
II	CÁT CÁC LOẠI											
1		Cát xây	m ³							VLXD Hùng		500,000
2		Cát tô	m ³							Mai, buôn Chứ xã Ea		550,000
III	ĐÁ CÁC LOẠI											
1		Đá 1x2	m ³							VLXD Hoàng Kiều, buôn Bung Tang, xã Ea Hiao		500,000
IV	GẠCH CÁC LOẠI											
4		Gạch 6 lỗ	viên		80x120x180mm					VLXD Hoàng Kiều, buôn Bung Tang, xã Ea Hiao		2,800
V	THÉP CÁC LOẠI											
1		Thép cuộn										
2		Ø6	kg							VLXD Hùng		17,000
3		Ø8	kg			Thép Đông Á				Mai, buôn		17,000
5		Thép thanh vằn										
6		Ø10	kg							VLXD Hùng		17,000
7		Ø12	kg			Thép Đông Á				Mai, buôn		17,000
8		Ø14	kg							Chứ, xã Ea		17,000
VI	TẤM LỢP, TẤM TRẦN											
	+	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông										
1		Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m ²							VLXD Hùng		63,000
2		Tôn sóng vuông (4,0 ziem)	m ²			Tôn Đông Á				Mai, buôn		72,000
3		Tôn sóng vuông (4,5 ziem)	m ²							Chứ, xã Ea		81,000
4		Tôn sóng vuông (5,0 ziem)	m ²							Hiao		90,000

32 Xã Krông Năng

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Cửa Hàng vật liệu Hùng Dũng (0848.424.448)												
		Cát	m3	Thô/ mịn sạch	Xây,tô	tự nhiên	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả,thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			550,000
		Xi măng	Bao	Mịn/dẻo	cb400-50kg/bao	hải dương	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả,thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			115,000
		Đá	m3	Sạch	1*2, 4*6,2*4	nhà máy	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả,thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			650,000
		Sắt thép	Kg	Cứng	cb300-cb400	hoà phát	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả,thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			20,000
		Gạch	Viên	cường độ chịu nén cao	40*80*180	nhà máy	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả,thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			3000
Cửa Hàng vật liệu Tân Phước (0987.234.323)												
		Gạch 6 Gia vĩ	viên	TCVN 1450:2009					xe tải			3,000
		Gạch 6 Đức Tân	viên	TCVN 1450:2009					xe tải			3,600
		Cát xây	M3	TCVN 7570 : 2006					xe tải			600,000
		Đá 1x2	M3	QCVN 16:2023/BXD	Bao 50kg	Hà Tiên	Việt Nam		xe tải			700,000
		Đá 2x4	M3	QCVN 16:2023/BXD					xe tải			550,000
		Xi măng Hà Tiên	Ta	TCVN 2682:2020					xe tải			230,000
		Xi măng Hoàng Thạch	Ta	TCVN 2682:2020					xe tải			240,000
			M3						xe tải			500,000
Cửa Hàng vật liệu Phú Quý (0935,276,261)												
		Cát	m3	thô /mịn sạch	xây, tô	tự nhiên	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả,thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			550,000

		xi măng	tấn	mịn /dẻo	cb400-50kg/bao	hải dương	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			2,000,000
		Đá	m3	sạch	1x2	nhà máy	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			550,000
		Sắt thép	kg	cứng	cb300-cb400	hoà phát	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			20,000
		Gạch	viên	cường độ chịu nén cao 6 lỗ, hút nước tốt	80*80*180	nhà máy	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			3,000
			viên	4 lỗ		40*80*180	nhà máy	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải		
Cửa Hàng vật liệu Nam Nguyên (0982.702.579)												
		Cát	m3	thô /mịn sạch	xây, tô	tự nhiên	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			550,000
		xi măng	tấn	mịn /dẻo	cb400-50kg/bao	hải dương	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			2,000,000
		Đá	m3	sạch	1x2	nhà máy	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			600,000
		Sắt thép	kg	cứng	cb300-cb400	hoà phát	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			20,000

		Gạch	viên	cường độ chịu nén cao 6 lỗ, hút nước tốt	80*80*180	nhà máy	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải			3,000
			viên	4 lỗ		40*80*180	nhà máy	việt nam	đáp ứng tiêu chuẩn (giá cả, thành phần, chất lượng, độ bền.....)	xe tải		

33. Xã Dliêya

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Giá thông báo (trước thuế VAT)			
									Khu vực Buôn K'Mang (Cty TNHH TM Vận tải Hương Tiên Phát)	Khu vực Buôn Dliê Ya B (Cửa hàng VLXD Lâm Hồng)	Khu vực Thôn Ea Đinh (Cửa hàng VLXD Hoan Tiến)	Khu vực Thôn Tân Nam (Cty TNHH MTV Xây dựng Ngọc Nguyễn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	I. XI MĂNG											
		Xi măng PC40/PCB40	Tấn			Hoàng Thạch		Tối chân CT	2,250,000	2,350,000	2,400,000	2,200,000
		Xi măng PCB40	Tấn			Hạ Long		Tối chân CT	2,154,400			
		Xi măng PCB40	Tấn			Hoàng Mai		Tối chân CT		2,300,000		
	II. CÁT											
		Cát xây	m3		Ea H'leo			Tối chân CT	500,000	500,000	500,000	550,000
		Cát tô	m3		Ea H'leo/Linh Đan Ea Kar			Tối chân CT	600,000	600,000	600,000	600,000
	III. ĐÁ XÂY DỰNG											
		Đá 1x2	m3		Mỏ đá Cư Kpô/Đức Huy			Tối chân CT	550,000	600,000	600,000	650,000
		Đá 4x6	m3					Tối chân CT	500,000			
	IV. GẠCH XÂY CÁC LOẠI											
		Gạch 4 lỗ	Viên		M'Đrăk/Cty TNHH Doanh Nhân			Tối chân CT	2,000	1,800	1,800	
		Gạch 6 lỗ	Viên		M'Đrăk/Cty TNHH Doanh Nhân			Tối chân CT		2,600	2,600	3,000
	V. THÉP CÁC LOẠI											
		Thép cuộn F 6	kg		Hải Bình Minh/Hoàng Sa			Tối chân CT		18,000	16,800	
		Thép F 10	Cây		Hòa Phát/Hoàng Sa			Tối chân CT	118,000	115,000	112,000	
		Thép F 12	Cây		Hòa Phát/Hoàng Sa			Tối chân CT	183,600	18	178,000	180,000
		Thép F 14	Cây		Hòa Phát/Sài Gòn/Hoàng Sa			Tối chân CT	24	230,000		245,000
		Thép F 16	Cây		Hòa Phát			Tối chân CT	320,000			
		Thép F 18	Cây		Hòa Phát			Tối chân CT	406,000			
		Thép F 20	Cây		Hòa Phát			Tối chân CT	502,570			

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	Ghi chú	Khu vực Thôn Giang Sơn	Khu vực Thôn Xuân Hà 2	Khu vực Thôn 12	Khu vực Thôn Xuân Mỹ	Khu vực Thôn 3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
XI MĂNG													
		Ximăng PCB40	tấn			Hà Trung	Đại lý VLXD Kim Hậu	2,000,000					
		Ximăng PCB40	tấn			Hoàng Thạch		2,150,000					
		Ximăng PCB40	tấn			Nghi Sơn	Đại lý VLXD Dũng Nguyệt II		2,300,000				
		Ximăng PCB40	tấn			Đạt Sơn	Đại lý VLXD			2,200,000			
		Ximăng PCB40	tấn			Nghi Sơn	Trang Thanh			2,400,000			
		Ximăng PCB40	tấn			Hoàng Thạch	Đại lý VLXD Hùng Phương				2,400,000		
CÁT													
		Cát xây	m ³			Công ty TNHH khai thác cát Đoàn Kết	Đại lý VLXD Kim Hậu	550,000					
		Cát tô	m ³				Đại lý VLXD Kim Hậu	600,000					
		Cát xây	m ³			Đại lý VLXD Dũng Nguyệt II			600,000				
		Cát tô	m ³							650,000			
		Cát xây	m ³			Đại lý VLXD Trang Thanh				600,000			
		Cát tô	m ³								700,000		
		Cát xây	m ³			Đại lý VLXD Hùng Phương					600,000		
		Cát tô	m ³									600,000	
ĐÁ XÂY DỰNG													
		Đá 1x2	m ³			Công ty TNHH Khoán sản Hoàng Hải Anh	Đại lý VLXD Kim Hậu	550,000					
		Đá 1x2	m ³				Đại lý VLXD		700,000				
		Đá hộc	m ³				Đại lý VLXD Trang Thanh			500,000			
		Đá 4x6 (SX máy)	m ³								550,000		
		Đá 2x4	m ³								550,000		
		Đá 1x2	m ³								650,000		
		Đá 0,5x1	m ³								600,000		
		Cấp phối đá dăm Dmax 25	m ³								500,000		
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5	m ³								500,000		
		Đá hộc	m ³				Đại lý				650,000		

	Đá 4x6 (SX máy)	m ³				VLXD				650,000	
	Đá 2x4	m ³				Hùng				650,000	
	Đá 1x2	m ³				Phương				650,000	
GẠCH CÁC LOẠI											
	Gạch 4 lỗ	viên		(80x80x180)mm		Đại lý	1,800				
	Gạch 6 lỗ	viên		(80x120x180)mm		VLXD	2,600				
	Gạch thẻ	viên		(50x80x180)mm		Đại lý					
	Gạch 4 lỗ	viên		(80x80x180)mm		VLXD		1,700			
	Gạch 6 lỗ	viên		(80x120x180)mm		Đưng		2,600			
	Gạch thẻ	viên		(50x80x180)mm		Đại lý			2,000		
	Gạch 2 lỗ	viên		(45x80x180)mm		VLXD			2,000		
	Gạch 4 lỗ	viên		(80x80x180)mm		Trang			2,100		
	Gạch 6 lỗ	viên		(80x120x180)mm		Thanh			2,700		
	Gạch thẻ	viên		(50x80x180)mm		Đại lý					
	Gạch 2 lỗ	viên		(45x80x180)mm		VLXD					
	Gạch 4 lỗ	viên		(80x80x180)mm		Hùng				1,800	
	Gạch 6 lỗ	viên		(80x120x180)mm		Phương				2,200	
	Gạch via hè Terrazzo	m2		(400x400x32)mm	Công ty TNHH MTV Gạch men Terrazzo Bình Minh	Công ty TNHH MTV Gạch men Terrazzo Bình Minh					87,000
THÉP CÁC LOẠI											
	Thép cuộn										
	Ø6	kg				Đại lý	17,000				
	Ø8	kg				VLXD	17,000				
	Thép thanh vằn					Kim Hậu					
	Ø10	kg					18,000				
	Ø12	kg					18,000				
	Thép cuộn										
	Ø6	kg			Thép Ba Mân	Đại lý		19,000			
	Ø8	kg				VLXD		19,000			
	Thép thanh vằn					Đưng					
	Ø10	kg				Nguyệt II		17,380			
	Ø12	kg						17,919			
	Thép cuộn										
	Ø6	kg			Thép Việt Mỹ	Đại lý			18,000		
	Ø8	kg				VLXD			19,000		
	Thép thanh vằn					Trang			16,685		
	Ø10	kg				Thanh			16,951		
	Ø12	kg							17,455		
	Ø14	kg							17,455		
	Ø16	kg							15,277		
	Thép cuộn										
	Ø6	kg			Thép Việt Mỹ	Đại lý				18,000	
	Ø8	kg				VLXD				18,000	
	Thép thanh vằn					Hùng				15,990	
	Ø10	kg				Phương				17,919	
	Ø12	kg								17,099	
	Ø14	kg								17,099	
	Ø16	kg								17,460	
GẠCH ÓP LÁT CÁC LOẠI											
	Gạch lát nền Ceramic	m ²		(600x600)mm		Đại lý	180,000				

	Gạch ốp tường Ceramic	m ²	(300x600)mm	Đại lý VLXD Kim Hậu	140,000				
	Gạch lát nền Ceramic	m ²	(300x300)mm	Đại lý			140,000		
	Gạch lát nền Ceramic	m ²	(400x400)mm	VLXD			140,000		
	Gạch Lát nền Ceramic	m ²	(600x600)mm	Trang			140,000		
	Gạch ốp tường Ceramic	m ²	(300x600)mm	Thanh			140,000		
	Gạch lát nền Ceramic	m ²	(300x300)mm	Đại lý				120,000	
	Gạch lát nền Ceramic	m ²	(400x400)mm	VLXD				130,000	
	Gạch Lát nền Ceramic	m ²	(600x600)mm	Hùng				135,000	
	Gạch ốp tường Ceramic	m ²	(300x600)mm	Phuong				135,000	
SƠN, BỘT BÀ TƯỞNG									
	Sơn Spec sơn trong nhà	thùng	18 lít	Đại lý	1,300,000				
	Sơn Spec sơn ngoài nhà	thùng	18 lít	VLXD	1,600,000				
	Bột bả Spec trong nhà	bao	40kg	Kim Hậu	130,000				
	Bột bả Spec ngoài nhà	bao	40kg		130,000				
	Sơn Expo sơn trong nhà	thùng	18 lít	Đại lý			1,900,000		
	Sơn Expo sơn ngoài nhà	thùng	18 lít	VLXD			3,200,000		
	Bột bả Expo trong nhà	bao	40kg	Trang			320,000		
	Bột bả Expo ngoài nhà	bao	40kg	Thanh			360,000		
	Sơn Infor sơn trong nhà	thùng	18 lít	Đại lý				850,000	
	Sơn Infor sơn ngoài nhà	thùng	18 lít	VLXD				2,000,000	
	Bột bả Infor trong nhà	bao	40kg	Hùng				220,000	
	Bột bả Infor ngoài nhà	bao	40kg	Phuong				240,000	
THIẾT BỊ VỆ SINH									
	Xi xô	Cái		Đại lý					
	Xi bệt liền khối	Bộ		VLXD Kim Hậu	1,800,000				
	Xi xô	Cái		Đại lý			250,000		
	Xi bệt liền khối nhập thái	Bộ		VLXD			2,600,000		
	Xi bệt liền khối Gamar	Bộ		Trang			2,400,000		
	Xi bệt 02 khối Viglacera V7	Bộ		Thanh			4,200,000		
	Xi bệt liền khối Viglacera V	Bộ					5,500,000		
	Xi xô	Cái		Đại lý				200,000	
	Xi bệt liền khối	Bộ		VLXD Hùng Phuong				2,000,000	
TẨM LỘP, TẨM TRẦN									
	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông								
	Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m ²		Tôn Hoa Sen	Đại lý			100,000	
	Tôn sóng vuông (4,0 ziem)	m ²			VLXD			110,000	
	Tôn sóng vuông (4,5 ziem)	m ²			Trang			120,000	
	Tôn sóng vuông (5,0 ziem)	m ²			Thanh			130,000	
	Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m ²		Tôn Hoa Sen	Đại lý			105,000	
	Tôn sóng vuông (4,0 ziem)	m ²			VLXD			115,000	
	Tôn sóng vuông (4,5 ziem)	m ²			Hùng			118,000	
	Tôn sóng vuông (5,0 ziem)	m ²			Phuong			130,000	
	Tôn lạnh đóng trần								
	Tôn lạnh kích thước khổ 1,1 (3,0 ziem)	m ²		Tôn Hoa Sen				65,000	

41. Xã Vụ Bản

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực xã	khu vực sản xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn				Công ty TNHH Xây dựng Thuận Minh				1,920,000	
2	CÁT											
		Cát xây	m ³				Công ty TNHH Xây dựng		vận chuyển đến công trình		550,000	
		Cát tô	m ³					570,000				
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
		Đá 1x2	m ³								690,000	
		Đá hộc	m ³								590,000	
		Đá 37,5	m ³								570,000	
4	GẠCH CÁC LOẠI											
		Gạch nung										
		Gạch 6 lỗ	viên								2.100-2.300	
		Gạch 4 lỗ	viên								1.300-1.500	

42. Xã Ea Kar

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Khu vực trung tâm xã	tại nơi sản xuất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
		Đá 1x2 (lỗ sàng 25mm)	m3			Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ 26 (mô đá 52)						525,000	
		Đá 2x4	m3										495,000
		Đá 4x6 xay	m3										480,000
		Đá hộc (không qua gia công)	m3										415,000
		Đá hộc (SX bằng búa đập)	m3										435,000
		CPĐD Dmax 25mm	m3										495,000
		CPĐD Dmax 37mm (SX mới)	m3										495,000
		CPĐD Dmax 37,5mm (đá cũ tồn bãi)	m3									465,000	
		Gạch thẻ đặc (40x80x180)mm	Viên			Công ty TNHH XD-TM Thanh Thành Phát						1,150	
		Gạch block 4 lỗ (80x80x180)mm	Viên										1,600
		Cát xây	m3										650,000
		Đá 12	m3										650,000
		Đá 46	m3										600,000
		Xi Măng PCB40	Tấn									2,000,000	
		Đá hỗn hợp 4x8 (ko nổ mìn)	m3			Công ty cổ phần Đức Anh (mô đá Hợp Thành)						130,000	
		Đá xô bò (hỗn hợp)	m3										130,000
		Đá hộc	m3										390,000
		Đá 4x6 (xay mở rộng)	m3										410,000
		Đá 4x6 (xay tiêu chuẩn)	m3										430,000
		Đá 2x4	m3										440,000
		Đá 1x2 (MR)	m3										450,000
		Đá 1x2 (Tiêu chuẩn + Trộn BTN)	m3										490,000
		Đá 0.5x1 bán thị trường (sạch)	m3										320,000
		Đá mặt bán ra thị trường (sạch)	m3										300,000
		CPĐD (Dmax 37,5)	m3										380,000
		CPĐD (Dmax 37,5) loại 2	m3										320,000
		CPĐD (Dmax 25)	m3										400,000
		Cát xây 718	Khối			Công ty Trường Phước				Bốc xếp		500,000	
		Cát xây 718 bê tông	Khối								Đổ ben		550,000
		Cát xây Gia Lai	Khối								Đổ ben		600,000
		Cát Tô	Khối								Đổ ben		600,000
		Gạch 4L 718	Viên								Đổ ben		1,400
		Gạch 6L 718	Viên								Đổ ben		2,300
		Đá chẻ	Viên								Đổ ben		11,000
		Đá hộc trắng	Khối								Đổ ben		430,000
		Đá 1*2 TRẮNG	Khối								Đổ ben		550,000

43. Xã Ea Ô

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	khv vực xã
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³			Công ty TNHH Khai thác cát Đoàn		Tại mỏ/bãi tập kết			290,000	
		Cát tô	m ³								318,182	
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
			m ³									
			m ³									
4	GẠCH XÂY CÁC LOẠI											
		Gạch xây	viên									
		Gạch xây	viên									
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI											

44. Xã Ea Knốp

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											tại cơ sở	khv vực xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
		Đá các loại											
		Đá hộc	m3			Công ty cổ phần khoáng sản Đắk Lắk				Mạnh Quỳnh	354,545	550,000	
		Đá 4x6(SX máy)	m3									372,727	580,000
		Đá 2x4	m3									400,000	590,000
		Đá 1x2	m3									409,091	680,000
		Đá 0,5x1	m3									290,909	550,000
		Cấp phối đá dăm Dmax 25	m3									363,636	510,000
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5	m3									345,455	580,000
		TĂM LỢP											
		Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m2			Hoa sen				Mạnh Quỳnh	103,000	103,000	
		Tôn sóng vuông (4,0 ziem)	m2									118,000	118,000
		Tôn sóng vuông (4,5 ziem)	m2									123,000	123,000
		Tôn sóng vuông (5,0 ziem)	m2									150,000	150,000
		Sản phẩm thép các loại											
		Thép cuộn ø6-8mm	kg			Hoà phát				Mạnh Quỳnh	18,500	18,500	
		Thép gai ø10mm	cây									113,000	113,000
		Thép gai ø12mm	cây									178,000	178,000
		Thép gai ø14mm	cây									245,000	245,000
		Bê Tông tươi thương phẩm											
		Mác 200 R 28 cỡ đá 20 mm (độ sụt 10± 2)Cm	m3			Công ty TNHH MTV Bê Tông Thành Công				Giả tại KCN Ea Đar, Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk	1,800,000		
		Mác 250 R 28 cỡ đá 20 mm (độ sụt 10± 2)Cm	m3									1,870,000	
		Mác 300 R 28 cỡ đá 20 mm (độ sụt 10± 2)Cm	m3									1,940,000	

45. Xã Cư Yang

STT	Nhóm vật liệu	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
-----	---------------	------------------------	--------	---------------------	----------	--------------	---------	-----------	------------	---------	--------------------------------	--

1		Thép cuộn				Công ty TNHH Hoàng Sa	Công ty TNHH Hoàng Sa	5km	Tại nơi sản xuất		
2		Ø6	kg							17,600	
3		Ø8	kg							17,600	
4		Thép thanh vằn									
5		Ø10	kg							17,600	
6		Ø12	kg							17,600	
7		Ø14	kg							17,600	
8		Ø16	kg							17,600	
9		Ø18	kg							17,600	
3		Tôn sóng vuông (4,5 ziem)	m ²					125,000			
4		Tôn sóng vuông (5,0 ziem)	m ²					140,000			
		Tôn lạnh la phong									
1		Tôn lạnh kích thước khổ 1,1- dày 0,20mm	m ²		Tôn Hoa Sen	Công ty TNHH Hoàng Sa		5Km	Trên địa bàn	75,000	

48. Xã Ea Riêng

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
										Tại khu vực Ea M'Doal	Tại khu vực Ea H'Mlây	Tại khu vực Ea Riêng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
I	XI MĂNG											
1		Ximăng PCB40	tấn	PC40		XM Nghi Sơn	Cửa hàng VLXD Nguyễn Hà				2,300,000	
2		Ximăng PCB40	tấn	PC40		XM Nghi Sơn	Cửa hàng VLXD Dũng Huế					2,300,000
3		Ximăng PCB40	tấn	PC40		XM Nghi Sơn	Cửa hàng VLXD Quảng Hằng					2,300,000
II	HÉP CÁC LOẠI											
	Thép cuộn											
1		Ø6	kg			Công ty Hoàng Sa	Cửa hàng VLXD Nguyễn Hà				17,000	
2		Ø8	kg			Công ty Hoàng Sa	Cửa hàng VLXD Nguyễn Hà				17,000	
	Thép thanh vằn											
1		Ø10	Cây			Công ty Hoàng Sa	Cửa hàng VLXD Nguyễn Hà				110,000	
2		Ø12	Cây			Công ty Hoàng Sa	Cửa hàng VLXD Nguyễn Hà				155,000	
3		Ø14	Cây			Công ty Hoàng Sa	Cửa hàng VLXD Nguyễn Hà				215,000	
III	CÁT											
1	Cát xây		m ³			Công ty Đức Trọng Gia Phát	Cửa hàng VLXD					650,000
2	Cát tô		m ³				Dũng Huế					

		Cấp phối đá dăm Dmax25	m ³									
4	GẠCH											
		Gạch Terrazzo 40x40	viên									125,000
		Gạch không nung XMCL 4 lỗ	viên		180x80x80mm	Cty TNHH TMSX Đại An Trung					1,750	
		Gạch thẻ không nung XMCL	viên		180x80x40mm						1,350	
		Gạch Block	viên		190x190x390mm						8,000	

50. Xã Krông Á

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Hà Trung	Công ty TNHH TMSX Đại		40km	Tại nơi phân phối	1,900,000	
			tấn	PC40		Nghi Sơn		2,150,000				
			tấn	PC40		Hoàng Thạch		2,200,000				
		Đá 2x4	m ³								360,000	
		Đá 4x6	m ³								320,000	
		Đá hộc	m ³								315,000	
		Đá 0,5 x 1	m ³								280,000	
		Cấp phối đá dăm Dmax37.5	m ³								290,000	
		Cấp phối đá dăm Dmax25	m ³								295,000	
		Cấp phối đá dăm Dmax25 loại 1 (làm nhựa)	m ³								310,000	
4	GẠCH CÁC LOẠI											
		Gạch không nung XMCL 4 lỗ	Viên		180x80x80mm	Công ty TNHH TMSX Đại An Trung	Công ty TNHH TMSX Đại An Trung		40km	Tại nơi sản xuất	1,750	
		Gạch thẻ không nung XMCL	Viên		180x80x40mm			1,350				
		Gạch Block không nung	Viên		90x190x390mm			8,000				
5	THÉP CÁC LOẠI											
		Thép cuộn										
		Ø6	kg								14,600	
		Ø8	kg								14,600	
		Thép thanh vằn										
		Ø10	kg			Tập đoàn Hòa Phát	Công ty Cổ phần thép Trường Sa - CN Trường Sa Đông		35km	Tại nơi sản xuất	94,000	
		Ø12	kg		145,000							
		Ø14	kg		197,100							
		Ø16	kg		249,500							
		Ø18	kg		325,000							
		Ø20	kg		423,000							
		Ø22	kg		509,500							
		Ø25	kg		664,500							
6	TĂM LỢP, TĂM TRẦN											
		Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m ²			Tập đoàn Hòa Phát	Công ty CP thép Trường Sa		35km	Tại nơi sản xuất	79,500	
		Tôn sóng vuông (4,0 ziem)	m ²		88,500							
		Tôn sóng vuông (4,5 ziem)	m ²		97,500							

51. Xã Cư Prao

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)						
											Tại nơi sản xuất	khu vực xã					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)					
1	XI MĂNG																
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Long Sơn	Cửa hàng VL XD			Trên địa bàn		1,850,000					
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		XM Hà Trung	Khánh					2,050,000					
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		XM Nghi Sơn						2,130,000					
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		XM Nghi Sơn	Công ty TNHH TM SX Đại An Trung		25km			2,150,000					
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		XM Hà Trung							1,900,000				
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Hoàng Thạch							2,200,000				
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Đức Sơn							2,000,000				
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Đạt Sơn							1,900,000				
2	CÁT																
		Cát xây	m ³			Công ty TNHH khai thác cát Đoàn Kết	Cửa hàng VL XD			Trên địa bàn	750,000	800,000					
		Cát tô	m ³				Khánh					850,000	900,000				
		Cát xây	m ³				Công ty TNHH TM SX Đại An		25km			700,000	750,000				
		Cát tô	m ³										750,000	800,000			
3	ĐÁ XÂY DỰNG																
		Đá 1x2	m ³			Công ty TNHH ĐT TM Dương Lâm Phát					380,000						
		Đá 2x4	m ³									360,000					
		Đá 4x6	m ³									320,000					
		Đá hộc	m ³									315,000					
		Đá 0,5 x 1	m ³									280,000					
		Đá mặt										270,000					
		Cấp phối đá dăm Dmax37.5	m ³									290,000					
		Cấp phối đá dăm Dmax25	m ³									295,000					
		Cấp phối đá dăm Dmax25 loại 1 (lâm nhựa)	m ³									310,000					
	GẠCH CÁC LOẠI																
		Gạch tuynen 2 lỗ	viên		180x80x45mm	Công ty CP VLXD 20	Công ty CP VLXD 20		30km	Tại nơi sản xuất	1,550						
		Gạch tuynen 4 lỗ	viên		180x80x80mm						1,950						
		Gạch tuynen 6 lỗ nhỏ	viên		170x120x80mm						2,750						
		Gạch tuynen 6 lỗ	viên		180x120x80mm						2,800						
		Gạch không nung XMCL 4 lỗ	Viên		180x80x80mm	Công ty TNHH TMSX Đại An Trung	Công ty TNHH TMSX Đại An Trung		25km	Tại nơi sản xuất	1,750						
		Gạch thẻ không nung XMCL	Viên		180x80x40mm						1,350						
		Gạch Block	Viên		190x190x390mm						8,000						
	NHỰA ĐƯỜNG																
		Nhựa đường phuy 60/70	Tấn														
		Nhựa đường đặc nóng	Tấn														
4	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI																
		Thép cuộn				Tập đoàn Hòa Phát											
		Ø6	kg													16,200	16,400
		Ø8	kg													16,200	16,400
		Thép thanh vằn															
		Ø10	kg													104,000	104,000
		Ø12	kg													161,000	161,000
		Ø14	kg													219,000	219,000
		Ø16	kg													277,000	277,000
		Ø18	kg													360,000	360,000

53. Xã Hòa Sơn

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	khv vực xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	XI MĂNG												
		Ximăng PCB40	tấn									1,950,000	
		Ximăng trắng	tấn									4,750,000	
2	CÁT												
		Cát xây	m ³							Mơ Giang Sơn/Công ty Hưng Vũ	330,000		
		Cát tô	m ³								385,000		
3	ĐÁ XÂY DỰNG												
		Đá 1x2	m ³							Giá bình quân trên địa bàn xã		660.000	
		Đá 4x6	m ³									620.000	
		Cấp phối đá dăm	m ³									560,000	
4	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI												
		+ Thép Hình (U,V,I)	kg			Tập đoàn Hòa Phát						22,000	
		+ Thép Hình (Sắt hộp, ống, vuông mạ kẽm)											27,200
		Ø10 Gr40-V	kg										17,500
		Ø16 Gr40-V	kg										17,500
		Ø12 - Ø20 CB300-V	kg										17,500
5	TẤM TRẦN, TẤM LỢP												
		Tông sóng vuông 0,4mm	m ²					Cộng ty TNHH Tụn Pomina (từ Đại lý trường Sa cung cấp)				100,000	
		Tôn lạnh 0,3mm	m ²										71,000
		Tông sóng vuông 0,4mm	m ²					Công ty CPSX thép Vinaone (từ Đại lý trường Sa cung cấp)				109,000	

54. Xã Dang Kang

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khv vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	XI MĂNG											
1		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Hoàng Thạch	Cửa hàng VL XD trên địa bàn xã			Trên địa bàn		2,200,000
2		Ximăng PCB40	tấn	PC40		XM Nghi Sơn						2,100,000
II	CÁT CÁC LOẠI											
1		Cát xây	m3				Cửa hàng VL XD trên địa bàn xã			Trên địa bàn		500,000
2		Cát tô	m3									550,000
III	ĐÁ CÁC LOẠI											
1		Đá 1x2	m3				Cửa hàng VL XD trên địa bàn xã			Trên địa bàn		570.000
2		Đá 4x6	m3									550.000
3		Đá cấp phối	m3									450,000

55. Xã Krông Bông

66. Xã Krông Ana

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Xi măng PCB40	tấn									
		Xi măng PCB30	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³			Mỏ cát Quỳnh Ngọc, xã Ea Na					550,000	
		Cát tô	m ³								550,000	
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
			m ³									
			m ³									
			m ³									
4	GẠCH XÂY CÁC LOẠI											
		Gạch Tuynen										
		Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên								900	
		Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên								1,500	
5	TÔN LỢP, TRẦN											
			m ²									
			m ²									

67. Xã Dur Kmăl

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
		Ximăng PCB30	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³			Mỏ cát công ty Cp VLXD Tây Nguyên, buôn Krông				Kèm theo Thông báo số 05/TB ngày 24/03/2025 của công ty CP VLXD Tây Nguyên	300,000	
		Cát tô	m ³								300,000	
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
			m ³									
			m ³									
4	GẠCH XÂY CÁC LOẠI											
			viên									

68. Xã Ea Na

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

69. Phường Tuy Hòa

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực phường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
		Ximăng PCB30	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³							Không nhận được thông tin báo cáo		
		Cát tô	m ³									
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI											
		Thép hình										
		Thép cuộn										

70. Phường Phú Yên

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực phường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
		Ximăng PCB30	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³									
		Cát tô	m ³									
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI -											
		Thép hộp										

71. Phường Bình Kiến

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Tại nơi sản xuất	khu vực phường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Xi măng PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD	Đóng bao 50 kg	Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển			1,909,259
		Ximăng PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD	Đóng bao 50 kg	Công ty CP xi măng Đạt Sơn	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển			1,779,629

72 Phường Xuân Đài

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)
-----	------------------------	------------------------	--------	---------------------	----------	--------------	---------	----------------------	------------	---------	--------------------------------

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tại nơi sản xuất	khu vực phường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³									
		Cát tô	m ³									
3	GẠCH CÁC LOẠI											
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	20*20*40 cm, M50, 6 lỗ	CTY TNHH XD Phú Thuận	Việt Nam	Giao tại nhà máy	Không có thông tin			7,408
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	20*20*40 cm, M50, 8 lỗ	nt	nt	nt	nt			7,408
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	10*20*40 cm, M50, 4 lỗ	nt	nt	nt	nt			5,092
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	20*20*20 cm, M50, 4 lỗ	nt	nt	nt	nt			3,704
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	10*20*20 cm, M50, 2 lỗ	nt	nt	nt	nt			2,547
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	9*9*19 cm, M50, 4 lỗ	nt	nt	nt	nt			1,667
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	20*20*40 cm, M75, 8 lỗ	nt	nt	nt	nt			7,870
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	20*20*39 cm, M75, 6 lỗ	nt	nt	nt	nt			7,870
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	10*20*40 cm, M75, 6 lỗ	nt	nt	nt	nt			5,556
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	10*20*39 cm, M75, 4 lỗ	nt	nt	nt	nt			5,556
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	20*20*20 cm, M75, 4 lỗ	nt	nt	nt	nt			4,250
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	10*20*20 cm, M75, 2 lỗ	nt	nt	nt	nt			2,777
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	9*9*19 cm, M75, 4 lỗ	nt	nt	nt	nt			1,667
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	5*9*19 cm, M75, 2 lỗ	nt	nt	nt	nt			1,435
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	10*20*39 cm M100 đặc	nt	nt	nt	nt			8,334
		Gạch Block bê tông không nung	viên	QCVN 16:2019/BXD	5*9*19 cm M100 đặc	nt	nt	nt	nt			1,620

93. Xã Tây Sơn

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³									
		Cát tô	m ³									
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
4	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI											
		Thép hình										
		Thép cuộn										
5	TẤM TRẦN, TẤM LỢP											

94. Xã Suối Trai

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	XI MĂNG											
		Ximăng PCB40	tấn									
2	CÁT											
		Cát xây	m ³									
		Cát tô	m ³									
3	ĐÁ XÂY DỰNG											
		Đá 1x2	m ³									
		Đất đắp	m ³									
4	GẠCH CÁC LOẠI											
			viên									
			viên									

95. Xã Ea Ly

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
										Tại thôn Tân Yên	Tại thôn Tân An	Tại thôn Tân Yên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(13)	(12)	(12)
		Đá	m ³		1x2	Mỏ đá Nhứt Lam	Việt Nam	Khối lượng đáp ứng nhu cầu	Đã bao gồm chi phí vận chuyển.ia bán tại cửa hàng vật liệu xây dựng	570,000	550,000	580,000
		Cát xây dựng				Mỏ cát Sơn Giang				450,000	450,000	460,000
		Gạch thủ công	viên		8x8x18	Gia Lai				2,600	2,800	2,600
		Xi măng Xuân Thành PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	Đóng bao 50kg	Cty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam				90,000		90,000
		Xi măng Long Sơn PCB40	Bao	QCVN 16:2019/BXD		Cty TNHH xi măng Long Sơn				95,000	95,000	93,000
		Xi măng Hà Trung PCB40	Bao	QCVN 16:2019/BXD		Cty TNHH xi măng Long Sơn				90,000	92,000	90,000

96 Xã Ea Bá

		Vòi lavabo 1 đường nước	bộ	ISO 9001	- Chất liệu: Đồng thau cao cấp. - Kích thước: H 126 x L 105 mm - 05 lớp hoàn thiện, giúp bề mặt luôn sáng bóng. - Màu sắc: Chrome
		Vòi lavabo 1 đường nước	bộ	ISO 9001	- Chất liệu: Đồng thau cao cấp. - 05 lớp hoàn thiện, giúp bề mặt luôn sáng bóng. - Kích thước: H 113 x L 130 mm - Màu sắc: Chrome
		Vòi lavabo 1 đường nước	bộ	ISO 9001	- Chất liệu: Đồng thau cao cấp. - Kích thước: H 136 x L 110 mm - 05 lớp hoàn thiện, giúp bề mặt luôn sáng bóng. - Màu sắc: Chrome
		Vòi lavabo 2 đường nước nóng lạnh	bộ	ISO 9001	Chất liệu: Đồng thau cao cấp. - Kích thước: H 145 x L 142 mm - 05 lớp hoàn thiện, giúp bề mặt luôn sáng bóng. - Màu sắc: Chrome
		Bộ củ sen 2 đường nước nóng lạnh (bao gồm tay sen)	bộ	ISO 9001	Chất liệu: Thân, củ sen bằng đồng thau, tay cầm bằng kẽm. - 05 lớp hoàn thiện, giúp bề mặt luôn sáng bóng. - Bao gồm bộ vòi sen: Tay sen, Dây sen và phụ kiện - Màu sắc: Chrome

	350,000
	450,000
	900,000
	1,500,000
	3,600,000

		Bộ củ sen 2 đường nước nóng lạnh (bao gồm tay sen)	bộ	ISO 9001	<p>Chất liệu: Thân, củ sen bằng đồng thau, tay cầm bằng kẽm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 05 lớp hoàn thiện, giúp bề mặt luôn sáng bóng. - Bao gồm bộ vòi sen: Tay sen, Dây sen và phụ kiện - Màu sắc: Chrome 	Công ty TNHH TM DV ĐT Điện Minh Long	Trung Quốc		Giao tại kho bên bán	Công ty TNHH Nhất Lam		3,200,000
		Bộ thanh sen kết hợp	bộ	ISO 9001	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thân, củ sen bằng đồng thau, tay cầm bằng kẽm. - 05 lớp hoàn thiện, giúp bề mặt luôn sáng bóng. - Kết cấu bên trong vững vàng, không gỉ sét, kèm phụ kiện. - Bộ sen tám bao gồm: Bát sen, Tay sen bằng nhựa, giá đỡ, ống sen mềm mạ điện 1.5m - Màu sắc: Chrome 						6,400,000	
		Van xả tiểu nam	bộ	ISO 9001	<p>Phụ kiện van xả tiểu đồng thau cao cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 lớp xi mạ hoàn thiện, bề mặt luôn sáng bóng. - Bền bỉ với môi trường khí hậu vùng biển. - Màu sắc: Chrome. 						1,600,000	
		Vòi xịt vệ sinh	bộ	ISO 9001	<p>Vòi xịt vệ sinh 1 đường nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Trắng - Đầu vòi bằng nhựa ABS, tay cầm mạ inox, giá đỡ và ống mềm 1.2m 						250,000	

99. Xã Xuân Lãnh

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Xi măng											
		Xi măng PCB 40	Tấn	TCVN	Bao 50kg	Xuân Thành	Việt Nam		Cách trung tâm xã 01 km	CHVLXD Trần Nhật		87,000
	Cát xây dựng											
		Cát xây	m3		1m3	Tại cửa hàng VLXD			Cách trung tâm xã 01 km			430,000
		Cát tô	m3		1m3				Cách trung tâm xã 01 km			
	Đá xây dựng											
		Đá 1x2 cm	Viên		1m3	Tại cửa hàng VLXD			Cách trung tâm xã 01 km			500,000
	Gạch không nung xi măng cốt liệu											
	Thép các loại											
	Thép cuộn											
		Đường kính Ø6mm - Ø8mm	Kg	TCVN		Việt - Mỹ; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã 01 km			18,000
		Đường kính Ø6mm - Ø8mm	Kg	TCVN		Việt - Nhật; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã km			
		Đường kính Ø6mm - Ø8mm	Kg	TCVN		Việt - Nhật; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã km			
		Đường kính Ø6mm - Ø8mm	Kg	TCVN		Hòa Phát; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã km			
		Đường kính Ø6mm - Ø8mm	Kg	TCVN		Hòa Phát; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã km			
	Thép vằn											
		Đường kính Ø10mm	Cây	TCVN		Việt - Mỹ; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã 01 km			112,000
		Đường kính Ø12 mm	Cây	TCVN		Việt - Mỹ; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã 01 km			160,000
		Đường kính Ø14mm	Cây	TCVN		Việt - Mỹ; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã 01 km			215,000
		Đường kính Ø16 mm	Cây	TCVN		Việt - Mỹ; Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã 01 km			270,000
	Kẽm buộc											
		Kẽm buộc 01 ly	Kg	TCVN		Tại cửa hàng VLXD	Việt Nam		Cách trung tâm xã 01 km			25,000

100. Xã Phú Mỹ

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	XI MĂNG											
1		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Xuân Thành				Tại Cửa hàng VLXD		1,760,000

II		CÁT CÁC LOẠI											
1		Cát xây	m ³			Trên địa bàn xã không có nhà sản xuất/cung cấp							
2		Cát tô	m ³										
III		ĐÁ CÁC LOẠI											
1		Đá 1x2	m ³			Trên địa bàn xã không có nhà sản xuất/cung cấp							
2		Đá 2x4	m ³										
3		Đá 4x6	m ³										
4		Đá hộc	m ³										
IV		THÉP CÁC LOẠI											
1		Thép cuộn											
2		Ø6	kg									16,500	
3		Ø8	kg									16,500	
4		Thép thanh vằn											
5		Ø10	cây									100,000	
6		Ø12	cây									150,000	
7		Ø14	cây									200,000	

101. Xã Xuân Phước

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
III		ĐÁ CÁC LOẠI											
1			m ³			Trên địa bàn xã không có nhà sản xuất/cung cấp							
2			m ³										
3			m ³										
IV		GẠCH CÁC LOẠI											
		Gạch tuynen 4 lỗ	viên		190x90x90mm	Chi Nhánh Công ty Việt Tân Lợi tại Phú Yên						1,200	
		Gạch tuynen 6 lỗ	viên		200x120x80mm								1,200
		Gạch tuynen thê	viên		190x90x50mm								1,200
V		GẠCH CÁC LOẠI											
		Gạch tuynen 4 lỗ	viên		190x90x90mm	Chi Nhánh Công ty Việt Tân Lợi tại Phú Yên						1,100	
		Gạch tuynen 6 lỗ	viên		200x120x80mm								1,100
		Gạch tuynen thê	viên		190x90x50mm								1,100
VI		THÉP CÁC LOẠI											
1		Thép cuộn											
2		Ø6	kg							Tại Cửa hàng VLXD		17,500	
3		Ø8	kg							Tại Cửa hàng VLXD		17,500	
4		Thép thanh vằn											
5		Ø10	cây							Tại Cửa hàng VLXD		112,000	
6		Ø12	cây							Tại Cửa hàng VLXD		170,000	
7		Ø14	cây							Tại Cửa hàng VLXD		237,000	

102. Xã Đồng Xuân

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)	
											Khu vực sản xuất	khu vực xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I		XI MĂNG										
		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Sông Gianh				Cửa hàng		2,000,000

		Ximăng PCB40	tấn	PC40		Xuân Thành				VLXD Sanh		1,800,000
II	CÁT CÁC LOẠI											
		Cát xây	m ³			Công ty TNHH xây lắp Trung Thuận	Công ty TNHH xây lắp Trung Thuận					345,455
		Cát xây	m ³			Công ty TNHH khai thác khoáng sản Phú Thịnh	Công ty TNHH khai thác khoáng sản Phú Thịnh					345,455
		Cát xây	m ³	Cát xây, cát bê tông		Công ty TNHH Khoáng sản và Tổng hợp Đoàn Hân	Công ty TNHH Khoáng sản và Tổng hợp Đoàn Hân					372,727
	TĂM LỢP, TĂM TRẦN											
		Tôn sóng vuông (3,5 ziem)	m ²			Tôn Hòa Phát	Công ty TNHH Tôn thép Đồng Xuân			Trên địa bàn		92,000
		Tôn sóng vuông (4,0 ziem 100)	m ²									102,000
		Tôn sóng vuông (4,0 ziem 75)	m ²									95,000
		Tôn sóng vuông (4,5 ziem)	m ²									117,000
		Tôn sóng vuông (5,0 ziem)	m ²									125,000